TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TAND TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 45 /2022/QĐST-HNGĐ	*Phú Quốc, ngày 12 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 236/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08/12/2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Dương Cẩm L**, sinh năm 1981.

HKTT: ấp Cạnh Đền 1, xã Vĩnh P, huyện V T, tỉnh K G.

Chỗ ở hiện tại: Số 7, Nguyễn Văn Nhị, khu phố 11, phường D Đông, thành phố P Q, tỉnh K G.

Bị đơn: Anh **Vương Thiện T**. sinh năm 1980.

HKTT: ấp Cạnh Đền 1, xã Vĩnh P, huyện V T, tỉnh KG.

Chỗ ở hiện tại: Số 7, Nguyễn Văn Nhị, khu phố 11, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh K G.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Cẩm L và anh Vương Thiện T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị L, anh T thống nhất giao con chung cháu Vương Bảo N, sinh ngày 01/10/2004; Vương Bảo N, sinh ngày 04/01/2018 cho chị L tiếp

tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), phù hợp với nguyện vọng của cháu N muốn được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn và chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Anh T được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết chị L, anh T được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí thuận tình ly hôn chị L, anh T mỗi người phải chịu 75.000đ, chị L tự nguyện chịu án phí thay cho anh T. Chị L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004249 ngày 02/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí nên chị L được nhận lại 150.000đ còn thừa, anh T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh KG;
- VKSND thành phố PQ;
- THA DS thành phố PQ;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Tâm